

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 06/7/2020
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bình
2. Ông Đặng Thanh Tấn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Vũ Thùy Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 166/2020/TLST-HNGĐ về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 236/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị Kim A**, sinh năm 1993, Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố B, phường C, thành phố PT, tỉnh BT.

Bị đơn: Ông **Trần Ngọc D**, sinh năm 1983, Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố E, phường F, thành phố PT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim A trình bày:

Bà và ông Trần Ngọc D tự nguyện tìm hiểu, chưa sống chung nhưng đã đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố PT, tỉnh BT vào ngày 21/11/2019, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56. Sau khi đăng ký kết hôn, ông bà chưa chung sống với nhau nhưng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà đến với nhau do đều đã ly hôn bà tưởng tìm được hạnh phúc mới nhưng thực tế không như vậy, ông D là người chồng vũ phu đánh bà mọi nơi kể cả trước mặt hai con riêng của bà làm chúng thật sự sợ hãi.

Bà không muốn duy trì hôn nhân với ông D, thực tế ông bà không sống chung chỉ còn chung nhau tờ Giấy chứng nhận kết hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D, để bà ổn định cuộc sống, làm ăn nuôi các con riêng của bà.

Về con chung: ông bà không có con chung.

Về tài sản chung: ông bà không có tài sản và nợ chung.

Bị đơn ông Trần Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng có đến Tòa nhận thông báo về việc Thụ lý vụ án; có viết và giao nộp bản tự khai, không nhận Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, bà A được ly hôn ông D; về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí bà Trịnh Thị Kim A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trịnh Thị Kim A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Trần Ngọc D có nơi cư trú tại thành phố PT; ông bà không có con chung. Đây là vụ kiện “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố PT quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản và niêm yết đúng theo quy định của Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Bà Trịnh Thị Kim A và ông Trần Ngọc D tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố PT, tỉnh BT vào ngày 21/11/2019, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà A cho rằng, thực tế ông bà chưa sống chung nhưng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông D là người chồng vũ phu, đánh đập bà, thậm chí khi bà đã nộp hồ sơ, Tòa án đang thụ lý giải quyết ông D đến nơi bà bán hàng ăn lấy muỗng nóng giở vô mặt làm bà bị bỏng, bà có giao nộp một tấm ảnh chụp lại thương tích, đến nay bà quá sợ hãi, không muốn duy trì mối quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên giấy, cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Tại bản tự khai do ông D trực tiếp viết và giao nộp, ông xác nhận vợ chồng chưa chung sống chưa tổ chức cưới, chỉ mâu thuẫn nhỏ chủ yếu về kinh tế ông không đồng ý ly hôn nhưng ông không giải quyết được những mâu thuẫn đó.

Hôn nhân là do đôi bên tự tìm hiểu, các bên đều phải có sự tự nguyện đồng thuận thì mới xây dựng được gia đình hạnh phúc, bà A không muốn hàn gắn mối quan hệ chưa thực sự bắt đầu, điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông D theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2]. Về con chung: ông bà không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: Bà A, ông D khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tạm ứng án phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị Kim A đối với ông Trần Ngọc D; bà Trịnh Thị Kim A được ly hôn ông Trần Ngọc D.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà Trịnh Thị Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị Kim A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Trịnh Thị Kim A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0007427 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT, bà Trịnh Thị Kim A đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/7/2020). Bị đơn ông Trần Ngọc D vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Phần Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS TP.Phần Thiết;
- UBND phường Đức Thắng;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Ngọc